TÒA ÁN NH DÂN **HUYỆN PHÚ T,** **TỈNH ANGIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 347/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07 – 9 – 2020

"V/v ly hôn giữa
chị N và anh Đ"

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim P

Các Hội thẩm Nh dân:

1. Bà Trần N Anh

2. Ông Lê Văn P

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thiện Nh – Thư ký Tòa án Nh dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát Nh dân huyện Phú T *tham gia phiên tòa:*

Ông Nguyễn Văn H – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án Nh dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 76, tổ 02, ấp Thượng 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: anh Lê Thanh Đ, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 460, tổ 03, ấp Trung 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu về tình cảm, năm 2016 chị và anh Lê Thanh Đ đồng ý kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nh dân thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú T, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 130/2016 ngày 15-8-2016. Sau khi cưới chị ở nhà cha mẹ ruột, anh Đ ở nhà cha mẹ chồng. Vợ chồng sống hạnh phúc, đến cuối năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp nhau về quan điểm, thường xuyên cãi nhau, gia đình sắp xếp cho anh Đ đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 02 năm 2020 vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, anh Đ đề nghị chị ly hôn, tháng 5 năm 2020 mâu thuẫn trầm trọng hơn, do anh Đ không tin tưởng chị trong giao tiếp, như kiểm tra điện thoại của chị và không đồng ý những tin nhắn của bạn bè. Từ tháng 5 năm 2020 vợ chồng ly thân, chị làm đơn ly hôn và anh Đ đồng ý ký tên vào đơn ly hôn. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Kỳ Anh, sinh ngày 26-8-2016; Lê Khánh Đăng, sinh ngày 12-01-2018, cả 02 con chị N đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị N yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng, vì chị mua bán tại nhà có thu nhập đủ điều kiện nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 24-6-2020 chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn là anh Lê Thanh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Theo chị N trình bày, mâu thuẫn vợ chồng nêu trên có cha mẹ hai bên đều biết, cha mẹ chồng không có mặt tại địa P vì đang sống tại Thành phố Hồ chí Minh, nhưng có chị ruột anh Đ tên Lê Thị Mộng Điệp biết rõ.

Tại văn bản cùng ngày 31-7-2020 bà Hồ Kim Chi (mẹ ruột chị N) và chị Lê Thị Mộng Điệp (chị ruột anh Đ) cho biết, chị N và anh Đ đã ký đơn ly hôn, bà Chi và chị Điệp đề nghị Tòa án cho chị N và anh Đ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng anh Lê Thanh Đ (là bị đơn) đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy anh Đ chưa chấp hành đúng nghĩa vụ tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, hôn Nh của chị Nguyễn Thị Bích N và anh Lê Thanh Đ là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn Nh và gia đình. Anh chị mâu thuẫn và không còn chung sống từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay, hai bên gia đình cũng thấy anh chị không thể trở lại sống chung. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn Nh và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh Đ; về nuôi con chung, chị N yêu cầu tiếp tục

nuôi con Lê Kỳ Anh và Lê Khánh Đăng và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng, từ khi ly thân đến nay chị N nuôi con ổn định, theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn Nh và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N, chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng, nên anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con; về chia tài sản và nợ chung không có; về án phí chị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Bích N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh Đ, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Lê Thanh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N và anh Đ.

[2] Về nội dung:

[3] Hôn Nh của chị N và anh Đ là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn Nh và gia đình. Xét tình trạng hôn Nh của anh chị thấy rằng, năm 2018 vợ chồng mâu thuẫn do không phù hợp nhau về cách sống, vợ chồng ly thân từ tháng 5 năm 2020 đến nay, không gặp nhau hàn gắn, gia đình hai bên đề nghị Tòa án cho anh chị ly hôn. Từ đó, cho thấy hôn Nh của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn Nh không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn Nh và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị N và anh Đ.

[4] Về nuôi con chung: từ lúc vợ chồng ly thân đến nay chị N nuôi con có cuộc sống ổn định. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn Nh và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N được tiếp tục nuôi cháu Lê Kỳ Anh và Lê Khánh Đăng, chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con là tự nguyện của chị, nên không xem xét.

[5] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn Nh và gia đình anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng cho con.

[6] Về chia tài sản: không có.

[7] Về nợ chung: ghi nhận chị N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh

nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn Nh thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[8] Về án phí hôn Nh sơ thẩm, chị N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn Nh và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn Nh: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích N và anh Lê Thanh Đ. Giấy chứng nhận kết hôn số 130/2016 ngày 15-8-2016 của Ủy ban Nh dân thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: giao 02 con chung tên Lê Kỳ Anh, sinh ngày 26-8-2016; Lê Khánh Đăng, sinh ngày 12-01-2018 cho chị Nguyễn Thị Bích N trực tiếp nuôi, cả 02 con chị N đang nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng cho con.

Anh Lê Thanh Đ không trực tiếp nuôi con, anh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng cho con.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận chị N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn Nh thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn Nh sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006844 ngày 23-6-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú T;
- Chi cục THADS H. Phú T;
- UBND thị trấn Phú Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Kim P

HỘI THẨM NH DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**